NHỮNG YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN SỰ PHÙ HỢP CỦA NỘI DUNG SÁCH GIÁO KHOA TIẾNG VIỆT LỚP 5 ĐỐI VỚI HỌC SINH NGƯỜI DÂN TỘC THIỂU SỐ

ĐÀM THỊ HOÀI DUNG
NGUYỄN NHƯ ĐÔNG
Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam

Nhận bài ngày 20/6/2025. Sửa chữa xong 04/7/2025. Duyệt đăng 08/7/2025.

Abstract

This article examines the factors affecting the suitability of grade 5 Vietnamese textbook content for ethnic minority students. In practice, these students often face barriers related to language, culture, and the learning environment, making textbook content suitability a decisive factor for education quality and their ability to acquire knowledge. The article analyzes influencing factors such as students' language proficiency, social characteristics and learning environment, availability of learning materials and equipment, and the role of administrators and teachers. It then identifies challenges and proposes solutions to help ethnic minority students access education more effectively and equitably.

Keywords: *Influencing factors, suitability, Vietnamese textbook grade 5, ethnic minority students.*

1. Đặt vấn đề

Sự phù hợp của nội dung sách giáo khoa (SGK) với đặc điểm học sinh (HS) là yếu tố then chốt quyết định chất lượng giáo dục. Đối với HS người dân tộc thiểu số (DTTS), việc tiếp cận và lĩnh hội kiến thức từ SGK Tiếng Việt lớp 5 thường gặp phải những rào cản về ngôn ngữ, văn hóa và điều kiện học tập. Những yếu tố này không chỉ ảnh hưởng đến khả năng hiểu bài mà còn tác động đến động lực học tập của các em. Vì vậy, nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến sự phù hợp của nội dung SGK Tiếng Việt đối với HS người DTTS là cần thiết để đề xuất giải pháp cải thiện hiệu quả giáo dục cho HS. Mặc dù nội dung SGK Tiếng Việt lớp 5 được biên soạn với mục tiêu phù hợp với HS trong toàn quốc nhưng nội dung chưa hoàn toàn tương thích với đặc điểm ngôn ngữ, văn hóa và môi trường học tập của HS người DTTS. Vì vậy, nghiên cứu và làm rõ các yếu tố này giúp nâng cao khả năng tiếp nhận kiến thức, thúc đẩy động lực và sự tự tin học tập cho HS người DTTS, tạo điều kiện học tập công bằng và hiệu quả quả hơn. Bài viết tập trung phân tích các yếu tố chủ yếu tác động đến sự phù hợp của nội dung SGK Tiếng Việt, từ đó đề xuất các giải pháp điều chỉnh nội dung và phương pháp dạy học phù hợp với nhu cầu, khả năng của HS người DTTS, góp phần phát triển toàn diện cho các em.

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Một số khái niệm cơ bản

2.1.1. Sự phù hợp

Theo từ điển Cambridge, "phù hợp" (suitability) là sự chấp nhận hoặc đúng đắn với cái gì đó hoặc ai đó. Từ điển Tiếng Việt của Nguyễn Như Ý định nghĩa "phù hợp" là sự tương ứng, trùng khớp giữa các yếu tố với nhau, như nội dung và hình thức [1]. Trong giáo dục, sự phù hợp thể hiện mức độ mà phương pháp giảng dạy, nội dung học tập đáp ứng nhu cầu, đặc điểm và năng lực HS trong một bối cảnh cụ thể. Đối với nghiên cứu này, "sự phù hợp" là mức độ mà nội dung SGK Tiếng Việt lớp 5 đáp ứng nhu cầu, đặc điểm và năng lực học tập của HS người DTTS.

Email: dungdth@vnies.edu.vn

2.1.2. Nội dung sách giáo khoa Tiếng Việt lớp 5

Trong phạm vi nghiên cứu của nhiệm vụ, nội dung SGK Tiếng Việt lớp 5 theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018 bao gồm: 1) Các hoạt động "Đọc"; "Viết"; "Nói và nghe"; 2) Kiến thức (Tiếng Việt; Văn học); 3) Ngữ liệu (Kênh hình - hình ảnh minh họa nội dung bài học; kênh chữ - Văn bản văn học và văn bản thông tin) được xây dựng theo Chương trình giáo dục môn Ngữ văn, được Bộ GD&ĐT phê duyệt. SGK Tiếng Việt lớp 5 theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018 được triển khai từ năm học 2024-2025, bao gồm 3 bộ sách: Cánh Diều, Chân trời sáng tạo, Kết nối tri thức với cuộc sống.

2.1.3. Học sinh người dân tộc thiểu số

Học sinh người DTTS là những HS thuộc các DTTS có dân số ít hơn so với dân tộc đa số, đang học tại các cơ sở giáo dục phổ thông. Đề tài nghiên cứu tập trung vào HS lớp 5 người DTTS. Đây là giai đoạn HS có đặc điểm tâm, sinh lý và năng lực học tập Tiếng Việt có sự khác biệt so với giai đoạn trước. Như vậy, từ các khái niệm và cách hiểu trên có thể quan niệm: Sự phù hợp của nội dung SGK Tiếng Việt lớp 5 đối với HS người DTTS được hiểu là mức độ các nội dung về kỹ năng đọc, viết, nói, nghe cùng với kiến thức Tiếng Việt và văn học đáp ứng nhu cầu học tập và năng lực của HS lớp 5 người DTTS.

2.2. Một số yếu tố ảnh hưởng đến nội dung sách giáo khoa Tiếng Việt lớp 5 cho học sinh người dân tộc thiểu số

2.2.1. Năng lực ngôn ngữ của học sinh

Năng lực ngôn ngữ là yếu tố quan trọng trong quá trình học tập, đặc biệt với HS người DTTS do sự khác biệt rõ rệt về ngôn ngữ và văn hóa so với HS dân tộc Kinh. Sự khác biệt này ảnh hưởng đến khả năng tiếp nhận kiến thức, nhất là trong các môn học sử dụng Tiếng Việt chuẩn. Theo nghiên cứu của Trần Thị Yên về "Những yếu tố ảnh hưởng tới việc nâng cao năng lực Tiếng Việt cho HS tiểu học người DTTS khi thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông mới" thì tác giả cho rằng năng lực Tiếng Việt của HS người DTTS quyết định chất lượng học tập [2]. HS người DTTS thường sử dụng tiếng mẹ đẻ trong giao tiếp và tiếng Việt chủ yếu được sử dụng trong học tập, do đó, HS gặp khó khăn trong việc tiếp thu các từ vựng và cấu trúc ngữ pháp phức tạp trong SGK. Vốn từ vựng tiếng Việt của các em còn hạn chế nên ảnh hưởng đến khả năng hiểu và làm bài tập của HS. Bên cạnh đó, ngữ pháp tiếng Việt cũng có sự khác biệt so với ngữ pháp của các ngôn ngữ DTTS, gây khó khăn cho HS khi sử dụng các cấu trúc câu phức tạp. Ngoài việc đọc hiểu, HS người DTTS còn gặp khó khăn trong việc diễn đạt ý tưởng do các em sử dụng cấu trúc câu đơn giản và thiếu sáng tạo trong diễn đạt ngôn ngữ tiếng Việt. Chính vì thế nên đã ảnh hưởng đến sự tự tin và hứng thú học tập của HS. Vì vậy, để đảm bảo hiệu quả học tập môn Tiếng Việt, nội dung SGK Tiếng Việt cần linh hoạt, phù hợp với năng lực ngôn ngữ và bối cảnh văn hóa của HS người DTTS. Đồng thời, giáo viên (GV) cũng cần điều chỉnh phương pháp dạy học và bổ sung tài liệu hỗ trợ HS trong quá trình học tập.

2.2.2. Văn hóa dân tộc

Văn hóa dân tộc đóng vai trò quan trọng trong việc đảm bảo sự phù hợp của nội dung SGK Tiếng Việt lớp 5 đối với HS người DTTS. Việc tích hợp yếu tố văn hóa giúp HS dễ dàng tiếp cận kiến thức, tăng cường hứng thú và sự tự tin, đồng thời bảo tồn bản sắc văn hóa các DTTS. Các yếu tố văn hóa dân tộc như hình ảnh, nhân vật, phong tục, ngôn ngữ quen thuộc trong SGK giúp HS người DTTS có sự liên hệ dễ dàng giữa bài học và thực tiễn cuộc sống. Việc lồng ghép các câu chuyện, bài hát dân ca, lễ hội của các DTTS vào nội dung SGK giúp HS nhận thức và tự hào về văn hóa dân tộc, đồng thời giữ gìn các giá trị văn hóa trong bối cảnh toàn cầu hóa. Tuy nhiên, sự khác biệt ngôn ngữ giữa tiếng Việt chuẩn trong SGK và ngôn ngữ mẹ đẻ của HS người DTTS có thể gây khó khăn trong việc hiểu nội dung bài học của các em. Do đó, trong quá trình dạy học cần tích hợp yếu tố ngôn ngữ địa phương vào nội dung SGK Tiếng Việt giúp HS dễ dàng tiếp thu bài học và tăng hứng thú học tập. Nội dung SGK Tiếng Việt hiện nay được biên soạn để dùng chung cho HS trong toàn quốc, cho HS ở các dân tộc khác nhau. Trong đó, phần lớn nội dung của bài học chủ yếu phản ánh văn hóa và phong tục của người dân tộc Kinh, HS người DTTS ở vùng miền núi lại có bối cảnh văn hóa, phong tục khác biệt. Vì vậy, cần bổ sung các yếu tố văn hóa địa phương như lễ hội, nghề thủ công, câu chuyện dân gian vào nội dung SGK Tiếng Việt để

bài học trở nên gần gũi và hấp dẫn hơn với HS. Các giá trị tín ngưỡng và truyền thống của DTTS như thờ cúng tổ tiên, tín ngưỡng thiên nhiên cũng cần được tôn trọng và lựa chọn để đưa vào trong SGK, nếu không HS người DTTS có thể cảm thấy không được tôn trọng hoặc bị cô lập. Do đó, việc điều chỉnh nội dung SGK Tiếng Việt để HS nhận thấy sự phản ánh đa dạng văn hóa được thể hiện qua các bài học cụ thể sẽ giúp các em cảm thấy được đồng cảm và tôn trọng. Bên cạnh đó, GV cũng cần sử dụng các phương pháp giảng dạy linh hoạt để phù hợp với đặc điểm văn hóa của HS người DTTS, chẳng hạn như GV tổ chức cho HS được học thông qua kể chuyện dân gian, hát dân ca hoặc tham gia các trò chơi của dân tộc.

2.2.3. Đặc điểm xã hội và môi trường học tập

Yếu tố xã hội và môi trường học tập có ảnh hưởng lớn đến quá trình tiếp thu nội dung SGK Tiếng Việt của HS, đặc biệt là HS người DTTS. Bên cạnh đó, điều kiện sống, kinh tế, văn hóa và phương pháp giảng dạy trong trường học có thể tạo ra sự khác biệt trong khả năng tiếp nhận kiến thức của HS. Theo tác giả Trần Thị Yên thì "HS sống ở khu vực phát triển với nhiều phương tiện truyền thông sẽ học nhanh hơn so với HS ở vùng sâu, vùng xa" [2]. Mỗi DTTS có nền văn hóa và truyền thống riêng nên ảnh hưởng đến cách tiếp nhận thông tin khác nhau của HS người DTTS khác nhau. Những bài học trong SGK Tiếng Việt thường phản ánh nhiều văn hóa truyền thống của dân tộc Kinh. Do đó, điều này có thể gây khó khăn cho HS người DTTS nếu các em chưa biết cách liên kết nội dung bài học với trải nghiệm cá nhân. Cụ thể như, các bài học về lễ hội, văn hóa, phong tục, tập quán hoặc nhân vật lịch sử được nói đến trong SGK Tiếng Việt có thể xa lạ với các em, dẫn đến HS thiếu sự hứng thú và khó khăn trong việc tiếp thu kiến thức. Ngoài đặc điểm xã hội thì môi trường học tập cũng rất quan trọng và có ảnh hưởng trực tiếp đến việc tiếp thu bài học của HS người DTTS. Các cơ sở giáo dục ở vùng DTTS thường thiếu cơ sở vật chất, tài liệu học tập và công cụ hỗ trợ trong học tập nên có ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận kiến thức của HS. Bên cạnh đó, phương pháp giảng dạy của GV vẫn còn mang tính truyền thống, chưa có nhiều sự đổi mới và tương tác cũng khiến HS cảm thấy nhàm chán và thiếu động lực trong học tập.

2.2.4. Thiết bị và tài liệu học tập

Thiết bị và tài liệu học tập là yếu tố đóng vai trò quan trọng trong quá trình HS tiếp thu kiến thức từ nội dung SGK Tiếng Việt, đặc biệt là với HS người DTTS. Việc thiếu tài liệu và thiết bị học tập tạo ra rào cản lớn đối với việc học và ảnh hưởng đến khả năng tiếp thu của các em. Sự thiếu thốn này không chỉ phản ánh bất bình đẳng trong điều kiện học tập mà còn dẫn đến sự chậm tiến trong học tập của HS. Các tài liệu học tập như sách vở, tạp chí, bảng biểu cùng với các công cụ hỗ trợ như máy tính, máy chiếu giúp HS dễ dàng tiếp cận kiến thức và làm bài tập hiệu quả hơn. Tuy nhiên, trong thực tiễn hiện nay tại các vùng DTTS, việc thiếu SGK và tài liệu bổ sung cùng với sự thiếu thiết bị học tập hiện đại khiến HS người DTTS ít có cơ hội được học tập độc lập, dẫn đến tình trạng thiếu thông tin và khó khăn trong tiếp thu kiến thức. Đặc biệt, nhiều trường học ở vùng DTTS không có đủ SGK và thiết bị học tập hiện đại, làm giảm hiệu quả phương pháp giảng dạy của GV và việc học của HS trở nên khó khăn hơn. Ngoài ra, do thiếu các thiết bị học tập nên việc học thông qua truy cập Internet của HS cũng gặp nhiều hạn chế nên ảnh hưởng đến khả năng học tập của các em. HS ít có cơ hội tiếp cận với nguồn học liệu trực tuyến và phần mềm hỗ trợ học tập nên ảnh hưởng đến việc bổ sung kiến thức sau các bài học chính khóa của các em. Ngoài ra, sự thiếu hụt về nguồn tài liệu và thiết bị học tập cũng tạo ra khoảng cách giữa các vùng, miền trong toàn quốc và ảnh hưởng đến sự tiếp cận công bằng trong phát triển năng lực học tập của HS. Do đó, để việc học tập môn Tiếng Việt của HS người DTTS đạt hiệu quả cần đảm bảo cung cấp đầy đủ các thiết bị học tập và tài liệu học tập cho học sinh.

2.2.5. Cán bộ quản lý và giáo viên

Cán bộ quản lý và GV đóng vai trò quyết định trong việc thực hiện chương trình giáo dục, từ xây dựng kế hoạch giảng dạy đến truyền đạt kiến thức trong nội dung SGK đến HS. Đặc biệt với HS người DTTS, GV cần điều chỉnh phương pháp giảng dạy phù hợp với đặc thù về năng lực ngôn ngữ, văn hóa

và hoàn cảnh sống của các em. Cán bộ quản lý có trách nhiệm xây dựng kế hoạch, phân bổ nguồn lực và tổ chức đào tạo cho GV. Họ cũng cần tạo điều kiện để GV áp dụng phương pháp giảng dạy sáng tạo, phù hợp với đặc điểm văn hóa của HS. Tuy nhiên, ở nhiều trường vùng DTTS, cán bộ quản lý thiếu nguồn lực để đào tạo, bồi dưỡng cho GV về các phương pháp giảng dạy phù hợp với HS người DTTS. GV là người trực tiếp giảng dạy và là cầu nối giữa nội dung SGK và HS, do đó, GV cần có hiểu biết về ngôn ngữ và văn hóa của HS người DTTS để giảng dạy hiệu quả hơn. Việc có hiểu biết về ngôn ngữ và văn hóa DTTS sẽ giúp GV dễ dàng hơn trong giao tiếp và truyền đạt kiến thức tới HS. GV cần áp dụng các phương pháp dạy học linh hoạt như dạy học theo nhóm, trò chơi, học qua dự án… giúp HS tiếp cận kiến thức hiệu quả hơn. Cán bộ quản lý và GV cần nhận thức rõ về sự đa dạng ngôn ngữ và văn hóa của HS người DTTS, điều chỉnh phương pháp giảng dạy sao cho phù hợp, đồng thời phát triển chiến lược giảng dạy linh hoạt để nâng cao hiệu quả học tập.

3. Một số giải pháp nâng cao sự phù hợp của nội dung sách giáo khoa Tiếng Việt lớp 5 đối với học sinh người dân tộc thiểu số

3.1. Điều chỉnh nội dung sách giáo khoa Tiếng Việt

Để SGK Tiếng Việt lớp 5 phù hợp hơn với HS người DTTS cần điều chỉnh nội dung sao cho phù hợp với ngôn ngữ, văn hóa và hoàn cảnh của các em. Điều này giúp giảm bớt rào cản ngôn ngữ, văn hóa và tạo điều kiện học tập công bằng, hiệu quả. Các điều chỉnh có thể bao gồm: 1) Tái cấu trúc ngữ liệu trong SGK: Sử dụng ngôn ngữ đơn giản, dễ hiểu, hạn chế từ ngữ phức tạp. Điều này giúp HS dễ dàng tiếp cận và hiểu bài học mà không gặp khó khăn về ngữ nghĩa; 2) Cung cấp ví dụ gần gũi với đời sống HS người DTTS: Ví dụ và hình ảnh trong SGK nên phản ánh văn hóa, lễ hội, phong tục của các dân tộc, giúp HS cảm thấy gần gũi và dễ kết nối với bài học; 3) Sử dụng ngôn ngữ và hình ảnh đa dạng: SGK nên sử dụng ngôn ngữ song ngữ (tiếng Việt và ngôn ngữ mẹ đẻ) và hình ảnh đa văn hóa giúp HS dễ dàng tiếp thu bài học và mở rộng tầm nhìn; 4) Giảm bớt tính trừu tượng: Các bài học cần cụ thể, gần gũi với thực tế đời sống của HS, giảm các khái niệm trừu tượng khó hiểu; 5) Tăng cường giải thích từ vựng mới: Các từ ngữ khó hiểu cần được giải thích rõ ràng, kèm theo ví dụ dễ hiểu, giúp HS nắm bắt và sử dụng tốt hơn. Như vậy, việc điều chỉnh SGK Tiếng Việt lớp 5 sao cho phù hợp với HS người DTTS không chỉ giúp các em dễ dàng tiếp thu kiến thức mà còn tôn vinh và bảo vệ giá trị văn hóa của các dân tộc trong hệ thống giáo dục quốc gia.

3.2. Bồi dưỡng chuyên môn cho giáo viên

Để SGK Tiếng Việt lớp 5 phù hợp với HS người DTTS, việc bồi dưỡng chuyên môn cho GV là yếu tố quan trọng. GV cần không chỉ am hiểu về nội dung SGK mà còn phải hiểu rõ đặc điểm ngôn ngữ, văn hóa của HS. Các hoạt động bồi dưỡng cần tập trung vào: 1) Đào tạo về ngôn ngữ và văn hóa DTTS: GV cần nắm vững kiến thức về ngôn ngữ, phong tục và đời sống của các DTTS để tạo ra môi trường học tập gần gũi và dễ tiếp cận cho HS; 2) Tăng cường phương pháp giảng dạy linh hoạt: GV nên được bồi dưỡng các phương pháp sáng tạo, như sử dụng hình ảnh, đồ dùng trực quan, kể chuyện và học nhóm. Ngoài ra, GV cần biết cách dùng ngôn ngữ dễ hiểu, có thể sử dụng song ngữ để hỗ trợ HS DTTS; 3) Tập huấn về sử dụng SGK và tài liệu bổ trợ: GV cần học cách điều chỉnh phương pháp giảng dạy để sử dụng hiệu quả SGK và tài liệu bổ trợ (video, tài liệu trực tuyến) giúp HS dễ tiếp thu kiến thức; 4) Đào tạo về đánh giá và hỗ trợ HS: GV cần được trang bị kỹ năng đánh giá công bằng và hỗ trợ HS gặp khó khăn trong học tập, tổ chức các buổi học phụ đạo và tạo môi trường học tích cực; 5) Chia sẻ kinh nghiệm giảng dạy: Tổ chức các lớp chia sẻ kinh nghiệm giữa GV giúp nâng cao kỹ năng giảng dạy, học hỏi phương pháp tiếp cận và hỗ trợ HS người DTTS hiệu quả. Như vậy, bồi dưỡng chuyên môn cho GV là giải pháp quan trọng để đảm bảo SGK Tiếng Việt lớp 5 phù hợp với HS người DTTS, giúp các em tiếp thu bài học hiệu quả và phát huy hết khả năng học tập của mình.

3.3. Xây dựng môi trường học tập phù hợp

Môi trường học tập phù hợp là yếu tố quan trọng để áp dụng SGK Tiếng Việt lớp 5 cho HS người DTTS hiệu quả. Để tạo ra môi trường này cần chú trọng các yếu tố sau: 1) Tạo không gian học tập thân

thiện: Môi trường cần tôn trọng sự đa dạng văn hóa và không có sự phân biệt. GV tổ chức các hoạt động giúp HS làm quen và hòa nhập, tạo ra không khí đoàn kết, an toàn, và tự tin; 2) Trang bị cơ sở vật chất đầy đủ: Cung cấp đầy đủ SGK, sách tham khảo, đồ dùng học tập và phương tiện học tập hiện đại như máy tính, thiết bị nghe nhìn để hỗ trợ HS tiếp thu kiến thức hiệu quả; 3) Khuyến khích sử dụng ngôn ngữ mẹ đẻ: Việc sử dụng song ngữ (tiếng Việt và ngôn ngữ mẹ đẻ) giúp HS người DTTS hiểu bài tốt hơn, giảm rào cản ngôn ngữ và tạo sự gần gũi trong học tập; 4) Gắn học tập với thực tế: Các hoạt động học tập nên phản ánh đời sống và văn hóa địa phương như tham quan, tìm hiểu nghề truyền thống hoặc các cuộc thi văn hóa dân tộc, giúp HS thấy kiến thức dễ áp dụng và thú vị hơn. Như vậy, xây dựng một môi trường học tập phù hợp cho HS người DTTS là yếu tố then chốt giúp đảm bảo sự thành công trong việc áp dụng SGK Tiếng Việt lớp 5. Bởi môi trường học tập thân thiện, đa dạng và hòa nhập sẽ giúp HS cảm thấy tự tin hơn trong học tập, đồng thời phát huy được khả năng tiềm ẩn của mình. Để làm được điều này cần có sự hợp tác giữa nhà trường, gia đình, cộng đồng và các tổ chức giáo dục để tạo ra môi trường học tập toàn diện và hiệu quả.

3.4. Tăng cường sự phối hợp với gia đình và cộng đồng

Sự phối hợp giữa nhà trường, gia đình và cộng đồng là yếu tố quan trọng để đảm bảo SGK Tiếng Việt lớp 5 phù hợp với HS người DTTS. Để thực hiện hiệu quả cần tập trung vào các hoạt động sau: 1) Tạo mối quan hệ thân thiện giữa nhà trường và gia đình: Nhà trường cần tổ chức các buổi gặp gỡ phụ huynh để trao đổi về tiến bộ của HS, chia sẻ chương trình học và lắng nghe ý kiến của gia đình, giúp điều chỉnh phương pháp giảng dạy phù hợp; 2) Khuyến khích gia đình hỗ trợ việc học: Phụ huynh cần hướng dẫn và tạo môi trường học tập cho con em, khuyến khích sử dụng tiếng Việt trong sinh hoạt hàng ngày để phát triển kỹ năng ngôn ngữ; 3) Tăng cường phối hợp với cộng đồng: Nhà trường cần hợp tác với tổ chức cộng đồng, trưởng thôn và cá nhân có uy tín để tổ chức các hoạt động truyền thông, chia sẻ kinh nghiệm và hỗ trợ học tập, giúp HS tiếp cận kiến thức thực tế; 4) Tạo cơ hội cho HS tham gia hoạt động văn hóa cộng đồng: Nhà trường có thể phối hợp với cộng đồng tổ chức các hoạt động văn hóa, lễ hội hoặc thi tìm hiểu truyền thống dân tộc, giúp HS gắn kết với học tập và tự hào về bản sắc dân tộc. Như vậy, tăng cường hợp tác giữa nhà trường, gia đình và cộng đồng sẽ giúp HS người DTTS tiếp cận kiến thức hiệu quả và phát triển toàn diện. Cần sự cam kết chặt chẽ giữa các bên để đạt được mục tiêu này.

4. Kết luận

Sự phù hợp của nội dung SGK Tiếng Việt lớp 5 đối với HS người DTTS là một vấn đề quan trọng, chịu tác động của nhiều yếu tố như năng lực ngôn ngữ của HS - thường hạn chế do sử dụng tiếng mẹ đẻ làm ngôn ngữ chính trong giao tiếp hàng ngày; đặc điểm xã hội và môi trường học tập - nơi HS phải học tập trong điều kiện khó khăn, thiếu thốn về cơ sở vật chất và nguồn tài liệu cùng với sự hỗ trợ từ gia đình, cộng đồng, đặc biệt là vai trò của GV trong việc truyền đạt, hướng dẫn và khích lệ HS. Việc điều chỉnh nội dung SGK Tiếng Việt lớp 5 cho phù hợp với trình độ nhận thức và đặc điểm tâm lý, văn hóa của HS người DTTS là yêu cầu cấp thiết giúp các em dễ tiếp cận kiến thức hiệu quả, giảm bớt khoảng cách về ngôn ngữ, tạo cơ hội học tập công bằng cho HS người DTTS với HS trong toàn quốc. Bên cạnh đó, việc nâng cao năng lực chuyên môn của GV giúp GV nắm vững kiến thức và nâng cao kỹ năng sư phạm, hiểu rõ về đặc trưng văn hóa, tâm lý của HS người DTTS. Từ đó, GV có thể lựa chọn phương pháp giảng dạy phù hợp, tạo môi trường học tập thân thiện, khích lệ sự tự tin và phát triển ngôn ngữ Tiếng Việt cho HS. Ngoài ra, xây dựng môi trường học tập phù hợp đóng vai trò then chốt trong việc tạo điều kiện thuận lợi cho HS phát huy năng lực, khắc phục những khó khăn từ điều kiện kinh tế - xã hội của các vùng DTTS. Môi trường học tập rất cần sự hỗ trợ đồng bộ từ nhà trường, gia đình và cộng đồng nhằm tạo mạng lưới giáo dục vững chắc, giúp HS luôn tích cực và tự tin trong quá trình học tập. Trong quá trình triển khai cần thực hiện đồng bộ và nghiêm túc các giải pháp để HS người DTTS có thể tiếp cận và lĩnh hội kiến thức toàn diện và hiệu quả hơn về tri thức, kỹ năng và nhân cách của các em. Điều này góp phần nâng cao chất lượng giáo dục vùng DTTS, giúp thu hẹp khoảng cách về giáo dục giữa các vùng, dân tộc trong toàn quốc. Đồng thời góp phần bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa, truyền thống và

hướng đến xây dựng nền giáo dục công bằng, bền vững, mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam.

Chú thích

Đây là sản phẩm thuộc đề tài *"Nghiên cứu sự phù hợp của nội dung sách giáo khoa Tiếng Việt lớp 5 Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đối với học sinh người dân tộc thiểu số"* của Ban Nghiên cứu Giáo dục dân tộc, Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam năm 2025.

Tài liệu tham khảo

[1] Nguyễn Như Ý (2010), *Đại từ điển Tiếng Việt,* NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.

[2] Trần Thị Yên (2019), *Những yếu tố ảnh hưởng tới việc nâng cao năng lực Tiếng Việt cho học sinh tiểu học người dân tộc thiểu số khi thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông mới*, Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam, số 16, tháng 4, tr. 60-66.

[3] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), *Quyết định số 5006/QĐ-BGDĐT, ngày 31/12/2021 về việc triển khai Kế hoạch Giai đoạn 2 Đề án "Tăng cường Tiếng Việt cho trẻ mầm non, học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2016-2020, định hướng đến 2025".*

[4] Nguyễn Thị Hoài Dung (2021), *Một số phương pháp dạy học môn Tiếng Việt ở trường tiểu học theo định hướng phát triển năng lực nhằm đáp ứng chương trình - sách giáo khoa mới*, Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Sài Gòn, số 76, tháng 4, tr. 59-66.

[5] Hà Đức Đà, Trần Thị Yên, Cao Việt Hà (2019), *Phát triển năng lực ngôn ngữ cho trẻ em người dân tộc thiểu số trong giáo dục: Những bài học kinh nghiệm từ thực tiễn*, Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam, số 17, tháng 5, tr. 83-88.

[6] Hà Đức Đà, Trần Thị Yên (2017), *Kết quả thử nghiệm mô hình giáo dục song ngữ trên cơ sở tiếng mẹ đẻ ở Việt Nam - Bài học kinh nghiệm và những đề xuất khuyến nghị,* Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam, số 147, tháng 12, tr. 89-94.

[7] Trần Thị Yên (2018), *Nghiên cứu các giải pháp nâng cao năng lực tiếng Việt cho học sinh tiểu học người dân tộc thiểu số - Một số đề xuất và khuyến nghị*, Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam, tháng 12.

[8] UNICEF Việt Nam (2023), *Tiếng mẹ đẻ: Nỗ lực vận động cho giáo dục song ngữ dựa trên cơ sở tiếng mẹ đẻ (MTBBE) thông qua nghiên cứu hành động và thử nghiệm*, nguồn: www.unicef.org/vietnam.

SINH VIÊN VIỆT NAM VỚI BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG...

Tiếp theo trang 23

3. Kết luận

Trong quá trình xây dựng, phát triển và đi lên theo con đường chủ nghĩa xã hội, bên cạnh những thuận lợi, đất nước ta cũng gặp muôn vàn những khó khăn, thách thức lớn, trong đó có sự cản trở của các thế lực thù địch, phản động luôn tìm cách chống phá Đảng và nhà nước ta. Mục tiêu nhất quán của chúng là tìm mọi cách nhằm xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, phi chính trị hóa quân đội, loại bỏ chế độ XHCN ở Việt Nam. Để thực hiện được mưu đồ đó, các tổ chức phản động lưu vong và số phản động, chống đối, bất mãn chế độ trong và ngoài nước đã sử dụng nhiều chiêu bài khác nhau. Mục tiêu này đã đi ngược lại với mục tiêu của Đảng và nhân dân Việt Nam đang nỗ lực xây dựng. Vì vậy, cần xác định đây là cuộc chiến lâu dài và đòi hỏi sự tham gia tích cực từ mọi tầng lớp nhân dân. SV Việt Nam hiện nay với vai trò tiên phong, là đội ngũ trí thức trẻ có trách nhiệm đặc biệt lớn trong việc này. Kiên định bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch là nhiệm vụ hết sức thiêng liêng của tuổi trẻ trong thời đại mới. Yêu cầu mỗi SV cần ý thức sâu sắc trách nhiệm của mình, sống và hành động theo lý tưởng cách mạng của Đảng, góp phần xây dựng đất nước ngày càng vững mạnh.

Tài liệu tham khảo

[1] Trích trong *Thư gửi Hội nghị Thanh niên Việt Nam ngày 17/8/1947 của Chủ tịch Hồ Chí Minh.*

[2] *Hồ Chí Minh, Toàn tập* (tập 9, 2002), NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, tr. 87.

[3] Trích trong bài *Toàn văn phát biểu của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng, Đại hội Đoàn toàn quốc lần thứ XI*, ngày 11/12/2017, Hà Nội.

[4] Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII* (tập 1), NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr. 168.

[5] Ban Chấp hành Trung ương (2018), *Nghị quyết số 35-NQ/TW, ngày 22/10/2018 về tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới.*

[6] Bộ Chính trị (2016), *Kết luận số 01-KL/TW về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 về Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.*